



CÂU HỎI MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG - trắc nghiệm

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Van Lang University)

NGÂN HÀNG CÂU HỎI MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG
(Phần ôn tập)

Câu 1. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhiệm vụ hàng đầu cần phải được giải quyết cấp thiết của cách mạng Việt Nam là gì?

A. Giải phóng dân tộc.

B. Đấu tranh giai cấp.

C. Canh tân đất nước.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 2. Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách cai trị về chính trị ở Việt Nam như thế nào?

A. Áp dụng chính sách “chia để trị”.

B. Đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

C. Áp dụng chính sách “dùng người Việt trị người Việt”.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 3. Phong trào yêu nước chống Pháp nào sau đây theo hệ tư tưởng phong kiến?

A. Phong trào Đông Du.

B. Phong trào Cần Vương.

C. Phong trào Duy Tân.

D. Khởi nghĩa Yên Bái.

Câu 4. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX có những điểm nổi bật nào?

A. Các nước tư bản: bên trong tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa.

B. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt.

C. Phong trào đấu tranh chống xâm lược diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 5. Tính chất của xã hội Việt Nam khi trở thành thuộc địa của Pháp là gì?

A. Tư bản chủ nghĩa.

B. Phong kiến

C. Thuộc địa nửa phong kiến.

D. Xã hội chủ nghĩa.

Câu 6. Mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam khi trở thành thuộc địa của Pháp là gì?

A. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp xâm lược và tay sai; mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

B. Mâu thuẫn giữa công nhân với tư bản, mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

C. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến, mâu thuẫn giữa tư sản với vô sản.

D. Mâu thuẫn giữa nông dân, công nhân với địa chủ phong kiến.

Câu 7. Sự kiện nào đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - từ người yêu nước trở thành người cộng sản?

A. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế III và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

B. Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin.

C. Nguyễn Ái Quốc gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam tới Hội nghị Versailles.

D. Nguyễn Ái Quốc viết tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Câu 8. Tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng?

A. Bản án chế độ thực dân Pháp.

B. Đường Kách mệnh.

C. Đông Dương.

D. Thư gọi Quốc tế nông dân.

Câu 9. Sự kiện nào được Nguyễn Ái Quốc đánh giá “nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”?

A. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930).

B. Chi bộ cộng sản đầu tiên của Việt Nam ra đời (1929).

C. Thành lập tổ chức Công hội đỏ Bắc Kỳ (1929).

D. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản (1929).

Câu 10. Hãy cho biết đặc điểm ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam?

A. Ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, sớm tiếp thụ ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

B. Phần lớn xuất thân từ nông dân.

C. Chịu sự áp bức và bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư sản.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 11. Cơ quan tuyên truyền của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tờ báo nào?

A. Báo Người cùng khổ.

B. Báo Lao động.

C. Báo Công nhân.

D. Báo Thanh niên.

Câu 12. Phong trào đình công, bãi công của công nhân Việt Nam trong những năm 1926 - 1929 thuộc khuynh hướng nào?

A. Khuynh hướng phong kiến.

B. Khuynh hướng dân chủ tư sản.

C. Khuynh hướng vô sản.

D. Khuynh hướng vô sản và khuynh hướng dân chủ tư sản.

Câu 13. Đây là tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời ở Việt Nam?

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đông Dương Cộng sản Đảng.

C. An Nam Cộng sản Đảng.

D. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Câu 14. Phong trào yêu nước do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885-1896) là:

A. Phong trào Cần Vương.

B. Khởi nghĩa Yên Thế.

C. Phong trào Duy Tân.

D. Phong trào Đông Du.

Câu 15. Mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930) là gì?

A. Làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

B. Làm cách mạng giải phóng dân tộc sau đó đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để đi lên chủ nghĩa xã hội.

D. Cả ba phương án kia đều sai.

Câu 16. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp của các yếu tố nào?

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

B. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân Việt Nam.

C. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam.

D. Tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào nông dân Việt Nam.

Câu 17. Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đã bước đầu đi vào đấu tranh tự giác?

A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm Sài Gòn - Chợ Lớn (1922).

B. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kỳ (1922).

C. Cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (1925).

D. Cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định (1925).

Câu 18. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở nước ta được thành lập ở đâu? Ai làm bí thư chi bộ?

A. Hà Nội - Bí thư Trịnh Đình Cửu.

B. Sài Gòn - Bí thư Ngô Gia Tự.

C. Sài Gòn - Bí thư Trịnh Đình Cửu.

D. Hà Nội - Bí thư Trần Văn Cung.

Câu 19. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do ai soạn thảo?

A. Nguyễn Ái Quốc.

B. Trần Phú.

C. Lê Hồng Phong.

D. Hà Huy Tập.

Câu 20. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định giai cấp nào là lực lượng lãnh đạo cách mạng?

A. Giai cấp tư sản.

B. Giai cấp vô sản.

C. Giai cấp nông dân.

D. Giai cấp địa chủ.

Câu 21. Trong giai đoạn Đảng lãnh đạo giành chính quyền, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng được thành lập vào năm nào?

A. 1932.

B. 1933.

C. 1934.

D. 1935.

Câu 22. Trong lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương, giai đoạn 1932 – 1935 là giai đoạn:

A. Giai đoạn phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng.

B. Giai đoạn đẩy mạnh phong trào đấu tranh.

C. Giai đoạn chuẩn bị nền tảng để giành chính quyền.

D. Giai đoạn tích cực mở rộng quan hệ ngoại giao.

Câu 23. Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) là tổ chức:

A. Đảng chính trị lãnh đạo cách mạng.

B. Mặt trận dân tộc thống nhất.

C. Tổ chức chính trị làm nghĩa vụ quốc tế.

D. Tổ chức chính trị cách mạng của thanh niên.

Câu 24. Qua Ninh và Vân Đình là các tác giả cuốn “Vấn đề dân cày” (1938) là bút danh của ai?

A. Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Văn Cừ.

B. Trường Chinh và Hà Huy Tập.

C. Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp.

D. Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Thị Minh Khai.

Câu 25. Chủ trương thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam được thông qua tại:

A. Đại hội quốc dân (16/8/1945)

B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (14-15/8/1945)

C. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (15/5/1945)

D. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (9/3/1945)

Câu 26. Lời kêu gọi: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” là của ai?

A. Hồ Chí Minh.

B. Trường Chinh

C. Võ Nguyên Giáp.

D. Phạm Văn Đồng.

Câu 27. “Phải thành thực hợp tác với nước Đại Nhật Bản trong sự kiến thiết nền Đại Đông Á” là tuyên bố của:

A. Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim.

B. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

C. Chính phủ Quốc gia Việt Nam.

D. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Câu 28. Chủ trương nào KHÔNG CÓ trong Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945) của Đảng ta?

A. Thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh.

B. Thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”.

C. Nêu khẩu hiệu “thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân”.

D. Phát động một *cao trào kháng Nhật cứu nước*.

Câu 29. Cao trào kháng Nhật cứu nước có đặc điểm:

A. Góp phần cùng phe Đồng minh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít

B. Có chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần

C. Thúc đẩy lực lượng trung gian ngã hẳn về phía cách mạng.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 30. Khẩu hiệu nào được nêu ra trong cao trào kháng Nhật cứu nước?

A. Đánh đuổi phát xít Nhật.

B. Đánh đuổi Nhật, Pháp.

C. Đánh đuổi Pháp, Nhật.

D. Đánh đuổi đế quốc Pháp.

Câu 31. Trong cao trào kháng Nhật cứu nước, phong trào “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã diễn ra mạnh mẽ ở đâu?

A. Bắc bộ và Bắc Trung bộ.

B. Trung du và miền núi Bắc bộ.

C. Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

D. Đông Nam bộ và Tây Nam bộ.

Câu 32. Cao trào kháng Nhật cứu nước ở vùng thượng du và Trung du Bắc kỳ chủ yếu diễn ra với hình thức nào?

A. Chiến tranh du kích cục bộ

B. Tổng khởi nghĩa

C. Tổng công kích

D. Tổng tiến công và nổi dậy

Câu 33. Cao trào kháng Nhật cứu nước ở các đô thị chủ yếu diễn ra với hình thức nào?

A. Vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian.

B. Phá kho thóc của Nhật

C. Khởi nghĩa vũ trang

D. Biểu tình, bãi công, đình công.

Câu 34. Quốc dân Đại hội Tân Trào (8/1945) được triệu tập bởi:

A. Tổng bộ Việt Minh.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. Hồ Chí Minh .

D. Quốc tế Cộng sản.

Câu 35. Quốc dân Đại hội Tân Trào (8/1945) không quyết định nội dung nào?

A. Ban hành Lệnh Khởi nghĩa (Quân lệnh số I)

B. Thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh.

C. Lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam.

D. Quy định Quốc kỳ là cờ đỏ, sao vàng 5 cánh, Quốc ca là bài “Tiến quân ca”.

Câu 36. Đáp án nào sau đây KHÔNG PHẢI là điều kiện tạo nên thời cơ cách mạng chín muồi của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Phát xít Nhật đảo chính lật đổ Pháp ở Đông Dương.

B. Đảng và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng hành động.

C. Lực lượng trung gian đã ngã hẳn về phía cách mạng.

D. Phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.

Câu 37. Những địa phương giành được chính quyền sớm nhất trong Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam là:

A. Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

C. Hải Dương, Bắc Giang, Thừa Thiên - Huế, Yên Bái.

D. Bắc Giang, Hà Tĩnh, Hà Nội, Sài Gòn.

Câu 38. Khởi nghĩa thắng lợi ở đâu đã tạo điều kiện thuận lợi lớn cho quá trình Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám 1945 trên phạm vi cả nước?

A. Ở Hà Nội.

B. Ở Thừa Thiên – Huế.

C. Ở Sài Gòn.

D. Ở Thái Nguyên.

Câu 39. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá tình hình Việt Nam như thế nào?

A. Vận mệnh dân tộc có những thách thức to lớn.

B. Vận mệnh dân tộc "như ngàn cân treo sợi tóc"

C. Vận mệnh dân tộc vô cùng khó khăn, nguy hiểm.

D. Vận mệnh dân tộc vô cùng hiểm nghèo.

Câu 40. Điền từ còn trống trong Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Pháp, Nhật, vua Bảo Đại Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay

để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”?

A. Chạy/ hàng/ thoái vị.

B. Hàng/chạy/ thoái vị.

C. Thua/ đầu hàng/ thoái vị.

D. Bại/ đầu hàng/ thoái vị.

Câu 41. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng trong những năm 1936 -1939 xác định kẻ thù nguy hại trước mắt của nhân dân Đông Dương là ai?

A. Chủ nghĩa phát xít.

B. Chủ nghĩa đế quốc.

C. Phong kiến.

D. Bọn phản động thuộc địa và tay sai.

Câu 42. Phong trào đấu tranh sôi nổi nhất trong giai đoạn 1936 – 1939 là gì?

A. Đông Dương Đại hội.

B. Xô Viết Nghệ Tĩnh.

C. Phá kho thóc Nhật.

D. Đòi Quyền sống đồng bào.

Câu 43. Để phù hợp với yêu cầu tập hợp lực lượng cách mạng trong những năm 1936-1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập mặt trận nào?

A. Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận Việt Minh.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 44. Luận cương chính trị tháng 10/1930 xác định điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam là gì?

A. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

B. Chuẩn bị “vỡ trang bạo động” cho quần chúng.

C. Tinh thần đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới.

D. Lấy giai cấp vô sản là động lực chính của cách mạng.

Câu 45. Trong các điểm sau, điểm khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên (tháng 2-1930) của Đảng và Luận cương chính trị tháng 10/1930 là gì?

A. Phương hướng chiến lược của cách mạng.

B. Chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng.

C. Vai trò lãnh đạo cách mạng.

D. Phương pháp cách mạng.

Câu 46. Văn kiện nào của Đảng xác định: Vạch ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt để khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng, đặc biệt cần phải “gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu”?

A. Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương (6/1932).

B. Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930).

C. Luận cương chính trị (10/1930).

D. Chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (3/1945).

Câu 47. Hình thức tổ chức và đấu tranh trong giai đoạn 1936-1939 ở nước ta?

A. Công khai, hợp pháp.

B. Nửa công khai, nửa hợp pháp.

C. Bí mật, bất hợp pháp.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 48. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) bàn về vấn đề gì?

A. Giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.

B. Tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.

C. Ngăn chặn chủ nghĩa phát xít.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 49. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của Đảng được bắt đầu từ Hội nghị Trung ương nào?

A. Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (3/1938).

B. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11/1939).

C. Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (7/1940).

D. Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5/1941).

Câu 50. Từ tháng 9/1940, tại sao nhân dân Việt Nam rơi vào tình cảnh “một cổ hai tròng”?

A. Thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương.

B. Thực dân Pháp câu kết với thế lực phong kiến trong nước để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương.

C. Thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Mỹ để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương.

D. Thực dân Pháp câu kết với Anh để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương.

Câu 51. Hội nghị toàn quốc của Đảng (8/1945) xác định nguyên tắc để chỉ đạo khởi nghĩa là gì?

A. Chiến tranh du kích, giải phòng từng vùng.

B. Đánh nhanh, thắng nhanh.

C. Đánh chiếm vùng thành thị, sau đó mở rộng đến vùng nông thôn.

D. Tập trung, thống nhất và kịp thời, đánh chiếm những nơi chắc thắng.

Câu 52. Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, tổ chức nào thực hiện nhiệm vụ của một Chính phủ lâm thời?

A. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 53. Bài học nào được xác định là nguồn gốc sức mạnh của Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

- A. Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.
- B. Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.
- C. Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông.
- D. Gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.**

Câu 54. Tên gọi của các tổ chức quần chúng trong Mặt trận Việt Minh?

- A. Hội Dân chủ.
- B. Hội Cứu quốc.**
- C. Hội Phản đế.
- D. Hội Giải phóng.

Câu 55. Trước năm 1945, cùng với các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và binh biến Đô Lương, cuộc đấu tranh nào là “tiếng sấm báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”?

- A. Khởi nghĩa Yên Thế.
- B. Khởi nghĩa Nam kỳ.**
- C. Đông Dương Đại hội.
- D. Khởi nghĩa Thái Nguyên.

Câu 56. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (4/1945) quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang và lấy tên là gì?

- A. Cứu quốc quân.
- B. Việt Nam giải phóng quân.**
- C. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- D. Vệ quốc quân.

Câu 57. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” dự kiến thời cơ tổng khởi nghĩa là khi nào?

- A. Khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương.**
- B. Trước khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ II.
- C. Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ II.
- D. Trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương.

Câu 58. Để làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945, Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” đã đề ra chủ trương gì?

- A. Phát động tổng khởi nghĩa.
- B. Phát động khởi nghĩa từng phần.
- C. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.**
- D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 59. Bài học kinh nghiệm hàng đầu trong đường lối cách mạng của Đảng được rút ra từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

- A. Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.
- B. Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.
- C. Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông.

D. Gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp và giải quyết đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

Câu 60. Mục đích chính của quân Anh vào miền Nam Việt Nam năm 1945 là gì?

- A. Xâm lược Việt Nam.
- B. Đánh quân Pháp.

C. Giúp thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.

- D. Giải tán chính quyền thân Nhật Trần Trọng Kim.

Câu 61. Quyết định đặt tên nước là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, quy định quốc kỳ, quốc ca được đưa ra tại hội nghị/đại hội nào?

- A. Hội nghị mở rộng của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (9/3/1945).

B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 13 đến 15/8/1945).

- C. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (15/4/1945).
- D. Đại hội đại biểu quốc dân (còn gọi là Quốc dân đại hội) (16/8/1945).

Câu 62. Hiệp ước Hoa – Pháp (28/2/1946) được ký kết ở đâu?

- A. Paris.
- B. Trùng Khánh.**
- C. Hương Cảng.
- D. Ma Cao.

Câu 63. Sự kiện nào mở đầu cho sự hoà hoãn giữa Việt Nam và Pháp sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

- A. Pháp ngừng bắn ở miền Nam.
- B. Việt Nam nhân nhượng với Pháp một số quyền lợi ở miền Bắc
- C. Hồ Chí Minh sang thăm nước Pháp.

D. Ký kết Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 giữa Việt Nam với Pháp.

Câu 64. Trong chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, Đảng ta đưa ra nguyên tắc gì để đấu tranh với thực dân Pháp?

- A. Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế, văn hóa.
- B. Độc lập về chính trị, nhân nhượng về văn hóa.
- C. Độc lập về kinh tế, nhân nhượng về chính trị.

D. Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế.

Câu 65. Kết quả lớn nhất mà quân dân ta đạt được trong chiến dịch Việt Bắc – Thu Đông năm 1947 là:

- A. Tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

B. Làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh”, buộc địch chuyển sang đánh lâu dài với ta.

C. Bộ đội chủ lực của ta trưởng thành hơn trong chiến đấu.

D. Bảo vệ vững chắc căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 66. Sắc lệnh số 17/SL (ngày 8/9/1945) thành lập Nha Bình dân học vụ nhằm:

A. Chăm lo đời sống nhân dân.

B. Giáo dục tinh thần yêu nước và ý thức cách mạng cho nhân dân

C. Chống các tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút...

D. Chăm lo công cuộc chống nạn mù chữ.

Câu 67. Phong trào mà Đảng ta đã vận động nhân dân thực hiện để chống nạn mù chữ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là gì?

A. Xây dựng nếp sống văn hóa mới.

B. Bình dân học vụ.

C. Bài trừ các tệ nạn xã hội.

D. Xoá bỏ văn hóa thực dân nô dịch phản động.

Câu 68. Ngày 23/9/1945, nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến với tinh thần gì?

A. “Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”.

B. “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

C. Vì miền Nam “Thành đồng Tổ quốc”.

D. “Dậy mà đi hỡi đồng bào ơi!”.

Câu 69. Để gạt mũi nhọn tấn công của kẻ thù, Đảng ta đã tuyên bố tự giải tán vào thời gian nào và lập ra tổ chức gì để tiếp tục công khai tuyên truyền đường lối của Đảng?

A. 02/09/1945 - Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác.

B. 25/11/1945 - Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin.

C. 03/02/1946 - Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin ở Đông Dương.

D. 11/11/1945 - Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác ở Đông Dương.

Câu 70. Khó khăn nào đe dọa trực tiếp đến nền độc lập của Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

A. Chính quyền cách mạng non trẻ.

B. Kinh tế kiệt quệ và nạn đói hoành hành

C. Hơn 90% dân số không biết chữ

D. Các thế lực đế quốc và phản động bao vây, chống phá.

Câu 71. Kế hoạch Đơ Lat Đơ Tátxinhi (Jean de Lattre de Tassigny) đã làm cho cuộc kháng chiến của ta gặp khó khăn ở khu vực nào?

A. Căn cứ địa Việt Bắc.

B. Vùng tự do.

C. Vùng sau lưng địch.

D. Liên khu V và Nam bộ.

Câu 72. Điểm mấu chốt của Kế hoạch Nava năm 1953 của thực dân Pháp là:

- A. Binh lực mạnh.
- B. Binh lực mạnh kết hợp với không quân.
- C. Dân đều lực lượng khắp Việt Nam.

D. Tập trung binh lực.

Câu 73. Âm mưu của Pháp – Mỹ khi xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là gì?

- A. Thu hút và tiêu diệt bộ đội chủ lực của Việt Nam.
- B. Bảo vệ vùng Tây Bắc.

C. Giành lại thế chủ động tại rừng núi Tây Bắc.

- D. Ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Nam với Lào.

Câu 74. Phương châm tác chiến của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Đánh thần tốc, táo bạo, chắc thắng.
- C. Đánh thần tốc, táo bạo.

D. Đánh chắc, tiến chắc.

Câu 75. Sự kiện nào trong năm 1945 – 1946 khẳng định chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố, nền móng của chế độ mới được xây dựng ở nước ta?

- A. Tổng tuyển cử trong cả nước 6/1/1946.
- B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.
- C. Thành lập Ủy ban hành chính các cấp.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 76. Chính phủ ta đã đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi nào khi ký Tạm ước 14/9/1946?

A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.

- B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc.
- C. Một số quyền lợi về chính trị và quân sự.
- D. Một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.

Câu 77. Chính phủ ta đã nhân nhượng với quân đội và tay sai của Tưởng sau Cách mạng Tháng Tám 1945 như thế nào?

- A. Chấp nhận tiêu tiền Trung Quốc; cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân Tưởng.
- B. Chấp nhận mở rộng thành phần đại biểu Quốc hội, đồng ý bổ sung thêm 70 đại biểu Quốc hội không qua bầu cử cho những người thuộc tổ chức tay sai của quân Tưởng.
- C. Cải tổ, mở rộng thành phần Chính phủ liên hiệp, trong đó có nhiều ghế Bộ trưởng cho những người thuộc tổ chức tay sai của quân Tưởng.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 78. Lời kêu gọi nào dưới đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đói sau Cách mạng Tháng Tám 1945?

- A. Không một tấc đất bỏ hoang.
- B. Tắc đất, tắc vàng.

C. Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! .

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 79. Nhằm khắc phục khó khăn về tài chính sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổ chức, phát động nhân dân tham gia phong trào nào?

A. “Ngày đồng tâm”.

B. “Tuần lễ vàng”.

C. “Tắc đất, tắc vàng”.

D. “Nhường cơm, xẻ áo”.

Câu 80. “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” là lời khen ngợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tổ chức nào?

A. Trung đoàn Thủ đô

B. Vệ quốc quân.

C. Việt Nam giải phóng quân.

D. Đội cứu quốc quân.

Câu 81. Điền từ còn thiếu trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946): “: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng, thực dân Pháp càng, vì chúng ta quyết tâm một lần nữa!”?

A. Nhân nhượng/ lấn tới/ cướp nước ta.

B. Nhân nhượng/ sẵn tới/ chiếm nước ta.

C. Nhân nhượng/ lấn tới/ chiếm nước ta.

D. Nhân nhượng/ sẵn tới/ cướp nước ta.

Câu 82. Đường lối kháng chiến chống Pháp “toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế” đề ra trong văn kiện nào?

A. Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/12/1946)

B. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946).

C. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh (8/1947).

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 83. Để ghi nhận tinh thần chiến đấu quả cảm của nhân dân Nam Bộ sau ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ phong tặng danh hiệu gì cho đồng bào miền Nam?

A. “Thành đồng Tổ quốc”.

B. “Miền Nam gian khổ anh hùng”.

C. “Chân đồng vai sắt, đánh giặc, bắn trúng”.

D. “Miền Nam đi trước về sau”.

Câu 84. Đảng ta đã phát động phong trào gì để ủng hộ nhân lực cho Nam Bộ kháng chiến chống Pháp từ ngày 23/9/1945?

A. “Vì miền Nam anh dũng”

B. “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

C. “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

D. “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”.

Câu 85. Tổng chỉ huy quân đội Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là:

A. Võ Nguyên Giáp.

B. Nguyễn Tuân.

C. Hồ Chí Minh.

D. Trường Chinh.

Câu 86. Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, Việt Nam sẽ thống nhất đất nước bằng con đường:

A. Tổng tuyển cử tự do trong cả nước dưới sự giám sát của một Ủy ban quốc tế.

B. Thỏa thuận giữa chính quyền hai bên để sát nhập 2 miền sau khi Pháp rút hết.

C. Trưng cầu dân ý hai miền để xác định việc thống nhất sẽ diễn ra bằng cách thức nào.

D. Trưng cầu ý kiến của nhân dân Nam Bộ để xác định tương lai của miền Nam Việt Nam.

Câu 87. Ai là trưởng đoàn đại biểu Việt Nam đến dự Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương?

A. Nguyễn Duy Trinh.

B. Phạm Văn Đồng.

C. Xuân Thuý.

D. Nguyễn Thị Bình.

Câu 88. Sau thất bại ở Biên giới Thu - Đông năm 1950, thực dân Pháp đã:

A. Nhờ Mỹ can thiệp vào Đông Dương.

B. Rút quân đội khỏi Đông Dương.

C. Thực hiện kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

D. Tiếp tục đánh lên Việt Bắc.

Câu 89. Mục tiêu chủ yếu của Pháp khi thực hiện kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) là:

A. Tiêu diệt nhanh chóng quân chủ lực của ta.

B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

C. Củng cố cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương.

D. Giữ vững thế chủ động của Pháp trên chiến trường Đông Dương.

Câu 90. Sự kiện nào sau đây khiến Đảng ta thay đổi chiến lược từ hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp sang hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

A. Pháp mở đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam lần hai (23/9/1945).

B. Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết (28/2/1946).

C. Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp được kí kết (6/3/1946).

D. Tạm ước Việt - Pháp được kí kết (14/9 /1946).

Câu 91. Từ sau chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947, thực dân Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

A. Mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước.

B. Phòng ngự đồng bằng Bắc Bộ.

C. Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

D. Tập trung quân Âu Phi, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai.

Câu 92. Chiến thắng nào trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) có ý nghĩa làm xoay chuyển cục diện Đông Dương?

A. Chiến dịch Hòa Bình (1951 – 1952).

B. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954

D. Chiến dịch Biên giới thu- đông 1950

Câu 93. Những câu thơ sau nói đến chiến thắng lịch sử nào của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954): "Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm/ mưa dầm, cơm vắt/ Máu trộn bùn non/ Gan không núng, chí không mòn!"?

A. Chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông năm 1947

B. Chiến dịch Biên giới Thu- Đông năm 1950

C. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

Câu 94. Điểm tương đồng về mục tiêu mở các chiến dịch trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của quân và dân Việt Nam là:

A. Mở rộng căn cứ địa Việt Bắc

B. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch

C. Giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. Phá vỡ âm mưu bình định, lấn chiếm của Pháp.

Câu 95. Sau Hội nghị Bộ Chính trị đặc biệt (3/1964), một phong trào thi đua của nhân dân miền Bắc để hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đời, đó là:

A. Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt.

B. Ba sẵn sàng.

C. Ba đảm đang.

D. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người.

Câu 96. Chiến thắng quân sự đầu tiên của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận” của đế quốc Mỹ là:

A. Chiến thắng Ấp Bắc (1/1963).

B. Chiến thắng Bình Giã (12/1964).

C. Chiến thắng An Lão (12/1964).

D. Chiến thắng Đồng Xoài (7/1965).

Câu 97. Cơ quan trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ là:

A. Trung ương Cục miền Nam.

B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

C. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 98. Phong trào thi đua tiêu biểu cho lòng yêu nước, nhiệt huyết cách mạng của thế hệ thanh niên miền Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ là:

A. Phong trào “Ba sẵn sàng”.

B. Phong trào “Năm xung phong”.

C. Phong trào “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”.

D. Phong trào “Tuổi trẻ giữ nước”.

Câu 99. Trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đã tiến hành cuộc nghi binh chiến lược tại:

A. Đường 9 Khe Sanh (Quảng Trị).

B. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

C. Núi Thành (Quảng Nam).

D. An Lão (Bình Định).

Câu 100. Thắng lợi chiến lược mà Việt Nam đạt được trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 là:

A. Buộc Mỹ phải chấp nhận đàm phán để kết thúc chiến tranh.

B. Buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom đánh phá miền Bắc.

C. Thúc đẩy phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam ngay tại nước Mỹ.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 101. Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tham gia tại Hội nghị Paris từ năm 1969 đến năm 1973 là:

A. Nguyễn Thị Bình.

B. Lê Đức Thọ.

C. Xuân Thủy.

D. Phạm Văn Đồng.

Câu 102. Tại kỳ họp đặc biệt của Quốc hội khóa III (9/1969) đã bầu ai làm Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

A. Tôn Đức Thắng.

B. Nguyễn Lương Bằng.

C. Nguyễn Hữu Thọ.

D. Huỳnh Tấn Phát.

Câu 103. Để chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, Hội nghị lần thứ 18 BCH Trung ương Đảng (1/1970) đã có chủ trương:

A. Lấy nông thôn làm hướng tiến công chính.

B. Lấy đô thị làm hướng tiến công chính.

C. Lấy vùng rừng núi làm hướng tiến công chính.

D. Cả ba phương án kia đều sai.

Câu 104. Chiến thắng nào khẳng định: Quân Giải phóng miền Nam dám đánh và đánh thắng giặc Mỹ xâm lược?

A. Chiến thắng Núi Thành (5/1965).

B. Chiến thắng Ấp Bắc (1/1963).

C. Chiến thắng Vạn Tường (8/1965).

C. Chiến thắng mùa khô 1965 - 1966.

Câu 105. Chiến thắng nào khẳng định: Quân Giải phóng miền Nam có thể đánh bại quân chủ lực Mỹ trong “Chiến tranh cục bộ”?

A. Chiến thắng Vạn Tường (8/1965).

B. Chiến thắng Núi Thành (5/1965).

C. Chiến thắng mùa khô 1966 - 1967.

D. Chiến thắng Plei Me (Plây-me) (12/1965).

Câu 106. Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”?

A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

B. Chiến thắng mùa khô 1965 - 1966.

C. Chiến thắng mùa khô 1966 - 1967.

D. Chiến thắng Plây-me, Đất Cuốc, Bàu Bàng.

Câu 107. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 có gì khác so với các cuộc tiến công trước đó của quân ta?

A. Đây là cuộc tiến công có quy mô lớn trên toàn Miền Nam mà hướng trọng tâm là các đô thị.

B. Đây là cuộc tiến công đầu tiên của Quân giải phóng Miền Nam có sự phối hợp nổi dậy của quần chúng.

C. Đây là cuộc tiến công lớn đầu tiên mà Quân giải phóng Miền Nam trực tiếp chiến đấu với quân viễn chinh Mỹ.

D. Đây là cuộc tiến công đầu tiên có sự kết hợp giữa tấn công của quân đội chủ lực và nổi dậy của quần chúng ở trên toàn miền Nam.

Câu 108. Điểm giống nhau giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với “Việt Nam hoá chiến tranh” là:

A. Quân đội ngụy là lực lượng chủ lực.

B. Quân đội ngụy là một bộ phận của lực lượng chủ lực “tìm diệt”.

C. Vai trò của quân Mỹ và hệ thống cố vấn Mỹ giảm dần.

D. Hệ thống cố vấn Mỹ được tăng cường tối đa, trong khi đó viện trợ Mỹ giảm dần.

Câu 109. Tính chất thâm độc, xảo quyệt của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” là vì:

A. Quân đội Mỹ có rút dần, nhưng quân đội ngụy tăng mạnh cùng với sự viện trợ lớn của Mỹ.

B. Nó gắn với âm mưu dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

C. Mỹ lợi dụng những chia rẽ, bất đồng trong phe Xã hội chủ nghĩa để tiến hành các hoạt động ngoại giao nhằm chia rẽ, cô lập cách mạng Việt Nam.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 110. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta có ý nghĩa lịch sử là:

A. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

B. Đánh dấu sự sụp đổ căn bản của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

C. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến tranh thực dân mới của Mỹ.

D. Đánh dấu sự tan rã hoàn toàn của nguy quân Sài Gòn.

Câu 111. Từ thắng lợi của phong trào Đồng Khởi (1960), tổ chức chính trị nào đã ra đời ở miền Nam nhằm tập hợp quần chúng nhân dân đấu tranh chống đế quốc, tay sai?

A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

D. Mặt trận Dân tộc thống nhất miền Nam Việt Nam.

Câu 112. Đại hội Đảng lần thứ III (9/1960) xác định vai trò của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (DTDCND) ở miền Nam như thế nào?

A. Cách mạng DTDCND ở miền Nam giữ vai trò quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

B. Cách mạng DTDCND ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam và sự nghiệp thống nhất nước nhà.

C. Cách mạng DTDCND ở miền Nam là tiền tuyến còn miền Bắc là hậu phương.

D. Cách mạng DTDCND ở miền Nam giữ vai trò quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng toàn dân tộc.

Câu 113. Trong giai đoạn 1965-1968, ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào?

A. Chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

B. Chiến lược "chiến tranh đơn phương".

C. Chiến lược "chiến tranh cục bộ".

D. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Câu 114. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 13 (1967) chủ trương mở mặt trận nào để tiến công địch?

A. Mặt trận quân sự.

B. Mặt trận chính trị.

C. Mặt trận ngoại giao.

D. Mặt trận binh vận.

Câu 115. Đáp án nào sau đây KHÔNG PHẢI là ý nghĩa thắng lợi cuộc tổng tiến công chiến lược 1972 của quân ta?

A. Buộc Mỹ ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.

B. Mở ra một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ.

C. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân nguy và quốc sách “bình định” của “Việt Nam hoá chiến tranh”.

D. Buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

Câu 116. Người đại diện cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí Hiệp định Paris 1973 - Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là:

A. Nguyễn Duy Trinh.

B. Phạm Văn Đồng.

C. Lê Đức Thọ.

D. Ung Văn Khiêm.

Câu 117. Sự phối hợp của quân dân các nước nào đã đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” (3/1971) của Mỹ-ngụy?

A. Quân dân của Việt Nam và Lào.

B. Quân dân của Việt Nam và Campuchia.

C. Quân dân của Việt Nam, Lào, Campuchia.

D. Quân dân của Lào và Campuchia.

Câu 118. Mỹ thực hiện cuộc Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai (1972) nhằm:

A. Cứu nguy cho chiến lược “Việt Nam hoá” chiến tranh và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Hội nghị Paris.

B. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

C. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

D. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

Câu 119. Nội dung nào của Hiệp định Paris 1973 có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

A. Mỹ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Mỹ rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu về nước.

C. Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự do quyết định tương lai chính trị của họ thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 120. Thắng lợi có ý nghĩa quan trọng của Hiệp định Paris đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là:

A. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “ngụy nhào”.

B. Đã đánh cho “Mỹ cút”, “ngụy nhào”.

C. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ.

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mỹ cút”.

Câu 121. Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam trên bộ còn có tên gọi là:

A. Đường mòn Hồ Chí Minh.

B. Đường Trường Sơn.

C. Đường 559.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 122. Chiến thắng Phước Long là cơ sở quan trọng để Đảng ta khẳng định điều gì?

A. Thế và lực của quân đội Sài Gòn đã suy yếu rõ rệt.

- B. Khả năng quay lại của Mỹ không còn nữa.
- C. Khả năng tiến hành giải phóng Miền Nam có thể với nhịp độ nhanh hơn, mạnh hơn.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 123. Chiến thắng Tây Nguyên (3/1975) có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

A. Nó đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sang giai đoạn mới: Tiến hành Tổng tiến công chiến lược trên toàn Miền Nam.

- B. Có ý nghĩa quyết định nhất cho cuộc tiến công giải phóng hoàn toàn Miền Nam.
- C. Làm tan rã chính quyền của Việt Nam Cộng hòa trên toàn miền Trung và Tây Nguyên.
- D. Làm sụp đổ ý chí chiến đấu của quân đội Sài Gòn.

Câu 124. Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- B. Từ ngày 26 đến ngày 1 tháng 5 năm 1975.
- C. Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.
- D. Từ ngày 25 đến ngày 1 tháng 5 năm 1975.

Câu 125. Tỉnh cuối cùng được giải phóng trong năm 1975 là:

A. Châu Đốc.

- B. Bến Tre.
- C. Cà Mau.
- D. Long An.

Câu 126. Hội nghị Trung ương nào của Đảng mở đường cho sự bùng nổ của phong trào Đồng Khởi ở miền Nam đầu năm 1960?

- A. Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (3/1957).
- A. Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (12/1957).
- C. Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (11/1958).

D. Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1/1959).

Câu 127. Đại hội Đảng lần thứ III (9/1960) đã xác định mục tiêu chung của cách mạng ở hai miền Nam Bắc là:

A. Giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất đất nước.

- B. Lật đổ chính thể Việt Nam Cộng hòa.
- C. Đánh đuổi đế quốc Mỹ.
- D. Hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 128. Đại hội III của Đảng (9/1960) xác định nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là:

A. Cách mạng tư tưởng, văn hóa.

B. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp.
- D. Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

Câu 129. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (7/1954) xác định kẻ thù chính của Việt Nam lúc này là:

A. Đế quốc Mỹ.

B. Thực dân Pháp.

C. Chính quyền Ngô Đình Diệm.

D. Đế quốc Mỹ và thực dân Pháp.

Câu 130. Sau ngày Hiệp định Genève năm 1954 được ký kết, cách mạng Việt Nam phải đối mặt với một khó khăn từ tình hình quốc tế là:

A. Mâu thuẫn giữa Việt Nam và Trung Quốc.

B. Mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Liên Xô.

C. Mâu thuẫn giữa Việt Nam và Liên Xô.

D. Mâu thuẫn giữa Cuba và Trung Quốc.

Câu 131. Đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam sau tháng 7/1954 là gì?

A. Kẻ thù chính lúc này là đế quốc Mỹ với tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh.

B. Miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền nông nghiệp lạc hậu.

C. Đất nước bị chia thành hai miền, có hai chế độ chính trị xã hội khác nhau.

D. Miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, do chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm quản lý.

Câu 132. Đối với vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 16 (5/1959) chủ trương:

A. Cải tạo hòa bình đối với giai cấp tư sản.

B. Tịch thu toàn bộ tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản.

C. Duy trì thành phần kinh tế tư bản tư nhân.

D. Cả ba phương án kia đều sai.

Câu 133. Phong trào Đồng Khởi (1960) đã làm tan rã chính quyền địch nhiều thôn, xã và thành lập nên tổ chức quần chúng có tên là gì?

A. Ủy ban nhân dân tự quản.

B. Chính quyền Xô Viết.

C. Chuyên chính vô sản.

D. Chính quyền cách mạng.

Câu 134. Ai được bầu làm Bí thư Trung ương cục miền Nam đầu tiên?

A. Phạm Hùng.

B. Nguyễn Văn Linh.

C. Phan Đăng Lưu.

D. Lê Duẩn.

Câu 135. Đường lối công nghiệp hoá đất nước đã được hình thành từ đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Đại hội III của Đảng (1960).

B. Đại hội IV của Đảng (1976).

C. Đại hội V của Đảng (1982).

D. Đại hội VI của Đảng (1986).

Câu 136. Trong Chỉ thị “Về Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam” (1/1961), Đảng xác định tiến công địch bằng ba mũi giáp công là:

A. Kinh tế, chính trị, văn hóa.

B. Quân sự, chính trị, binh vận.

C. Quân sự, binh vận, ngoại giao.

D. Quân sự, chính trị, kinh tế.

Câu 137. Trong giai đoạn 1961-1965, ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào?

A. Chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

B. Chiến lược "chiến tranh đơn phương".

C. Chiến lược "chiến tranh cục bộ".

D. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Câu 138. Mục tiêu tấn công của cuộc hành quân tìm diệt Gian-xơn-Xi-ty của Mỹ trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” (1965-1968) là gì?

A. Căn cứ U Minh.

B. Chiến khu Dương Minh Châu.

C. Chiến khu rừng Sát.

D. Căn cứ Trảng Bàng - Bến Súc - Củ Chi.

Câu 139. Đầu là biểu hiện cho thấy nước nhà đã được thống nhất về mặt Nhà nước?

A. Các tổ chức chính trị-xã hội được thống nhất cả nước với tên gọi mới.

B. Quốc hội chung của cả nước quyết định Thủ đô nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội; đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Quốc hội chung của cả nước quyết định đặt tên nước là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; quy định Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 140. Đặc điểm lớn nào của cách mạng nước ta được Đại hội IV của Đảng (1976) khẳng định là quy định nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta?

A. Nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

B. Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn.

C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 141. Ý đồ của Mỹ khi thực hiện cuộc hành quân tìm diệt Gian-xơn Xi-ty trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” (1965-1968) là gì?

A. Tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

B. Đánh bại quân giải phóng chủ lực của ta.

C. Giành lại thế chủ động trên chiến trường.

D. Động viên tinh thần, củng cố quân đội Sài Gòn.

Câu 142. Quân dân miền Bắc đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của đế quốc Mỹ trong bao nhiêu ngày đêm và vào thời gian nào?

A. 10 ngày đêm từ 15 đến 25/10/1970.

B. 10 ngày đêm từ 16 đến 26/11/1971.

C. 12 ngày đêm từ 17 đến 29/12/1972.

D. 12 ngày đêm từ 18 đến 30/12/1972.

Câu 143. Ý đồ của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam là gì?

A. Phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

B. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

C. Đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 144. Hoàn cảnh nước ta sau đại thắng mùa Xuân năm 1975 là gì?

A. Đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. Đất nước đối mặt với tình thế thù trong giặc ngoài, "như ngàn cân treo sợi tóc".

C. Đất nước có hòa bình, độc lập; nhân dân hưởng tự do, hạnh phúc.

D. Đất nước hội nhập toàn diện vào phe xã hội chủ nghĩa, đổi mới và phát triển.

Câu 145. Chủ trương hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội được đưa ra tại Hội nghị/Đại hội nào của Đảng?

A. Hội nghị Trung ương lần thứ 24 khóa III (8/1975).

B. Đại hội IV của Đảng (1976).

C. Đại hội V của Đảng (1982).

D. Đại hội VI của Đảng (1986).

Câu 146. Chủ trương, nhận định nào là hạn chế của Đảng tại Đại hội IV (1976)?

A. Hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm.

B. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là thời kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường.

C. Chủ nghĩa xã hội sẽ không sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu.

D. Chiến tranh Việt Nam - Trung Quốc sẽ khó nổ ra trong 10 năm tới.

Câu 147. Đại hội Đảng lần thứ mấy của Đảng quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Đại hội VII của Đảng (1991).

B. Đại hội IV của Đảng (1976).

C. Đại hội V của Đảng (1960).

D. Đại hội VI của Đảng (1986).

Câu 148. Trung Quốc phát động cuộc tiến công quy mô lớn xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc vào thời gian nào dưới đây?

A. Ngày 17/2/1979.

B. Ngày 18/2/1978.

C. Ngày 19/2/1978.

D. Ngày 5/3/1979.

Câu 149. Chủ trương nào được coi là "bước đột phá thứ ba" trong đổi mới tư duy kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới?

A. Trong bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ; công nghiệp nặng được phát triển có chọn lọc.

B. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

C. Trong cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, nhưng đồng thời phải sử dụng đúng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; chính sách giá phải vận dụng quy luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 150. Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (1986) đã đánh giá những sai lầm, khuyết điểm trong sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước khi thực hiện Nghị quyết Đại hội V của Đảng (1982) là ở mức độ nào và trên những mặt nào?

A. Sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện.

B. Sai lầm đặc biệt nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện.

C. Sai lầm nghiêm trọng về tổ chức thực hiện.

D. Sai lầm rất nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược.

Câu 151. Đại hội VI của Đảng (1986) đánh dấu bước ngoặt về đổi mới tư duy của Đảng, trước hết là tư duy về lĩnh vực gì?

A. Kinh tế.

B. Chính trị.

C. Văn hóa.

D. Đối ngoại.

Câu 152. Ba chương trình kinh tế lớn được Đảng xác định là cốt lõi của nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986-1990, cũng là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, đó là:

A. Lương thực - thực phẩm, Hàng tiêu dùng, Hàng xuất khẩu.

B. Giao thông vận tải, Chuyển đổi số quốc gia, Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

C. Du lịch, Dịch vụ, Xuất khẩu.

D. Kích cầu, Tái cơ cấu nền kinh tế, Chính phủ điện tử.

Câu 153. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (8/1979) được coi là “bước đột phá đầu tiên” về tìm tòi đường lối đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam đã có tư tưởng nổi bật gì?

- A. “Làm cho sản xuất thoát khỏi trì trệ”.
- B. “Làm cho sản xuất phát triển”.
- C. “Làm cho sản xuất thoát khỏi khó khăn”.

D. “Làm cho sản xuất bung ra”.

Câu 154. Chủ trương cho xã viên hợp tác xã được hưởng và tự do mua bán phần sản phẩm thu hoạch vượt mức khoán là ở văn kiện nào của Đảng?

A. Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13/1/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa V.

- B. Đại hội VI của Đảng (1986).
- C. Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 5/4/1988 của Bộ Chính trị khóa VI.
- D. Kết luận số 78-KL/TW, ngày 10/6/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII.

Câu 155. Đại hội nào của Đảng lần đầu tiên đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa?

A. Đại hội V của Đảng (1982).

- B. Đại hội VI của Đảng (1986).
- C. Đại hội VII của Đảng (1991).
- D. Đại hội X của Đảng (2006).

Câu 156. Trong thực tế triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội V (1982), Đảng ta đã có hạn chế là quá tập trung, chú trọng đầu tư vào lĩnh vực (ngành) nào?

- A. Công nghiệp nặng.
- B. Nông nghiệp.**
- C. Công nghiệp nhẹ.
- D. Hàng tiêu dùng, thủ công nghiệp.

Câu 157. Sai lầm trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 khóa V của Đảng (6/1985) là gì?

- A. Vội vàng đổi tiền và tổng điều chỉnh giá, lương trong tình hình chưa chuẩn bị đủ mọi mặt.
- B. Vội vàng mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài trong khi chưa chuẩn bị đầy đủ cơ sở pháp lý.
- C. Vội vàng chuyển sang nền kinh tế thị trường trong khi thể chế chính trị còn chưa sẵn sàng đổi mới.**
- D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 158. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có mấy đặc trưng cơ bản?

- A. 3 đặc trưng.
- B. 4 đặc trưng.
- C. 5 đặc trưng.**
- D. 6 đặc trưng.

Câu 159. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4/1988) đã đưa ra chủ trương nào sau đây?

A. Phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh.

B. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp.

C. Mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm.

D. Khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên.

Câu 160. Nghị quyết Trung ương lần thứ 2 (khóa VIII) của Đảng đánh giá giáo dục – đào tạo với khoa học - công nghệ có vai trò gì?

A. Là nhiệm vụ quan trọng nhất.

B. Là nhiệm vụ hàng đầu.

C. Là nhiệm vụ chiến lược.

D. Là quốc sách hàng đầu.

Câu 161. Văn kiện nào của Đảng đã tạo bước ngoặt lớn và hành lang chính trị, pháp lý quan trọng cho đảng viên làm kinh tế tư nhân?

A. Quy định số 15-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (tháng 8/2006).

B. Kết luận số 29-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII (tháng 1/2018).

C. Quy định số 47-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (11/2011).

D. Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII (tháng 3/2019).

Câu 162. Đại hội lần thứ mấy của Đảng đã lần đầu tiên khẳng định một bài học trong quá trình đổi mới đất nước là "phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết"?

A. Đại hội XII của Đảng (2016).

B. Đại hội XI của Đảng (2011).

C. Đại hội X của Đảng (2006).

D. Đại hội XIII của Đảng (2021).

Câu 163. Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định yếu tố chủ yếu nào để tăng trưởng kinh tế?

A. Vốn, tài nguyên thiên nhiên, khoa học và công nghệ, con người, cơ cấu kinh tế.

B. Vốn, khoa học và công nghệ, con người, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị và quản lý nhà nước.

C. Con người, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị và quản lý nhà nước.

D. Vốn, khoa học và công nghệ, con người, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị.

Câu 164. Chủ trương xây dựng đối tác trong quan hệ quốc tế thời kỳ đổi mới: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” được đề ra tại Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Đại hội VI của Đảng (1986).

B. Đại hội VII của Đảng (1991).

C. Đại hội VIII của Đảng (1996).

D. Đại hội IX của Đảng (2001).

Câu 165. Lần đầu tiên Đảng ta sử dụng khái niệm “hệ thống chính trị” thay cho khái niệm “chuyên chính vô sản” là ở đâu?

A. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa VI (3/1989).

B. Đại hội VI của Đảng (1986).

C. Đại hội VII của Đảng (1991).

D. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (lần 2) khóa VIII (2/1999).

Câu 166. Khái niệm "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" được Đảng ta sử dụng lần đầu khi nào?

A. Đại hội IX của Đảng (2001).

B. Đại hội X của Đảng (2006).

C. Đại hội XI của Đảng (2011).

D. Đại hội VII của Đảng (1991).

Câu 167. Quan điểm: "Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng người Việt Nam", được khẳng định lần đầu trong văn kiện nào của Đảng, Nhà nước ta?

A. Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VII (tháng 11/1993).

B. Nghị định số 74-CP của Thủ tướng Chính phủ (tháng 7/1994).

C. Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (tháng 3/2004).

D. Chỉ thị 45-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI (tháng 5/2015).

Câu 168. Thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định yếu tố nào là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

A. Khoa học và công nghệ.

B. Con người.

C. Cơ cấu kinh tế.

D. Sự quản lý của nhà nước.

Câu 169. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định lực lượng tiên hành công nghiệp hóa trong thời kỳ đổi mới gồm những thành tố nào dưới đây?

A. Nhà nước và các doanh nghiệp Nhà nước.

B. Toàn dân và các thành phần kinh tế.

C. Nhà đầu tư nước ngoài.

D. Hộ gia đình.

Câu 170. Thời kỳ đổi mới, quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam được Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thực hiện như thế nào?

A. Can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh bằng mệnh lệnh hành chính.

B. Quản lý bằng pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

C. Không quản lý, để thị trường tự điều tiết.

D. Quản lý theo chế độ "cấp phát – giao nộp".

Câu 171. Chủ trương "Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" được Đảng ta xác định tại Đại hội nào?

A. Đại hội III của Đảng (1960).

B. Đại hội IV của Đảng (1976).

C. Đại hội V của Đảng (1982).

D. Đại hội VI của Đảng (1986).

Câu 172. Chủ trương “thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường” được Đảng ta xác định tại Đại hội nào?

A. Đại hội IV của Đảng (1976).

B. Đại hội V của Đảng (1982).

C. Đại hội VI của Đảng (1986).

D. Đại hội VII của Đảng (1991).

Câu 173. Đến năm 2018, Việt Nam đã thiết lập quan hệ “đối tác chiến lược” với bao nhiêu nước?

A. 16 nước.

B. 17 nước.

B. 18 nước.

D. 19 nước.

Câu 174. Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp vào đầu thế kỷ XX, nhân dân Việt Nam có yêu cầu bức thiết nhất về điều gì?

A. Độc lập dân tộc.

B. Ruộng đất.

C. Quyền làm việc ngày 8 tiếng.

D. Tự do ngôn luận.

Câu 175. Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc được Ban Chấp hành Trung ương Đảng đưa ra vào thời gian nào?

A. Ngày 25/11/1945.

B. Ngày 19/12/1946.

C. Ngày 6/3/1946.

D. Ngày 22/12/1945.

Câu 176. Tính chất của cuộc kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1945 - 1954 là gì?

A. Dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

B. Cách mạng tư sản dân quyền.

C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

D. Thỏ địa cách mạng.

Câu 177. Đại hội II của Đảng Cộng Sản Đông Dương đã đưa ra quyết định gì?

A. Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

B. Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. Đảng tiếp tục hoạt động bí mật chờ thời cơ để ra hoạt động công khai.

Câu 178. Sau ngày Hiệp định Genève năm 1954 được ký kết, cách mạng Việt Nam có yếu tố thuận lợi là:

A. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước.

B. Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển lớn mạnh.

C. Thế và lực của cách mạng Việt Nam đã lớn mạnh hơn.

D. Cả ba phương án kia đều đúng.

Câu 179. Một đặc trưng cơ bản về chủ nghĩa xã hội được xác định tại Đại hội IV của Đảng (1976) là gì?

A. Chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

C. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội

Câu 180. Chủ trương nào được coi là "bước đột phá thứ hai" trong quá trình tìm tòi, đổi mới tư duy kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới?

A. Mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế.

B. Thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. Bỏ chế độ kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu, bao cấp.

D. Xóa quan liêu bao cấp trong giá và lương.

Câu 181. Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 8 năm 1986, Bộ Chính trị khóa V đã họp và đưa ra những kết luận được xem là định hướng cho việc soạn thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội VI của Đảng (12/1986). Vậy, Kết luận này thuộc về lĩnh vực gì?

A. Chính trị.

B. Đối ngoại.

C. Kinh tế.

D. Văn hóa.

Câu 182. Nổi bật trong đường lối đổi mới về kinh tế do Đại hội VI của Đảng (1986) đề ra là gì?

A. Phát triển nhiều thành phần kinh tế. Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.

B. Phát triển nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

C. Phát triển nhiều thành phần kinh tế. Chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

D. Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Câu 183. Lần đầu tiên Đảng ta đề cập đến chủ trương "đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế" là ở đâu?

A. Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI (4/2013).

B. Đại hội VII của Đảng (1991).

C. Đại hội VI của Đảng (1986).

D. Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VI (tháng 5/1988).

Câu 184. Đại hội VII (1991) và Đại hội VIII (1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định lĩnh vực nào có vai trò then chốt, động lực, là quốc sách hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội?

A. Giáo dục - đào tạo.

B. Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ.

C. Khoa học - công nghệ.

D. An ninh, chính trị.

Câu 185. Chọn đáp án đúng nhất: Từ cuối thập niên 70 đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc diễn ra như thế nào?

A. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trở nên căng thẳng và bị "đóng băng" do chiến tranh biên giới Việt - Trung.

B. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trở nên căng thẳng do Trung Quốc đưa giàn khoan HD-981 vào vùng biển chủ quyền của Việt Nam.

C. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đôi lúc căng thẳng do Trung Quốc gây ra những thiệt hại nặng nề trên tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam.

D. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc căng thẳng do Trung Quốc huy động một lực lượng lớn tấn công và có những hành động chống phá trên vùng quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Câu 186. Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (khóa XII), tháng 5/2017 đã ban hành một nghị quyết riêng về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó nhấn mạnh mục tiêu phát triển của kinh tế tư nhân là gì?

A. Kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của chiến lược xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

B. Kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển kinh tế độc lập tự chủ.

C. Kinh tế tư nhân là trụ cột quan trọng của cuộc đổi mới 2.0.

D. Kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng để giải phóng sức sản xuất.

Câu 187. Chọn đáp án đúng nhất: Tổng kết một số kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng xác định: Sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng được bắt nguồn từ:

A. Bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân và vai trò của lãnh tụ.

B. Bắt nguồn và được nhân lên từ sức mạnh của nhân dân cùng sự hợp tác quốc tế.

C. Bắt nguồn và được nhân lên từ sức mạnh của nhân dân.

D. Bắt nguồn và được nhân lên từ việc hoạch định chủ trương, đường lối đúng đắn, sáng tạo, khoa học của Đảng.

Câu 188. Khái niệm "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa" được Đảng nêu ra lần đầu là ở đâu?

A. Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII (tháng 6/1997).

B. Hội nghị Trung ương 8 khóa VII (tháng 1/1995).

C. Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 11/1991).

D. Đại hội IX của Đảng (2001).

Câu 189. Điểm nổi bật nhất trong chủ trương của Đảng về kinh tế ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới là gì?

- A. Kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp.**
- B. Kinh tế hành hóa, nhiều thành phần.
- C. Kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- D. Tự cung, tự cấp.

Câu 190. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bảo đảm nguyên tắc nào?

- A. Xây dựng nền kinh tế khép kín và hướng nội.
- B. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.**
- C. Xây dựng nền kinh tế phải dựa vào sự giúp đỡ của các nước tư bản.
- D. Xây dựng nền kinh tế mở nhưng chỉ giao lưu hợp tác với các nước XHCN